TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH PHÚ** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2019/DS-ST
Ngày: 13-3-2019
V/v tranh chấp "hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Minh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Mứt

2. Bà Phan Thị Cẩm Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan

Trong ngày 13 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 55/2018/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2018 về "tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 300/2019/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị L, sinh năm 1967,

Địa chỉ: 132/4 ấp TB, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim R, sinh năm 1968 và ông Trần Văn H, sinh năm 1966.

Cùng địa chỉ: 184/3 ấp TB, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Ông H ủy quyền cho bà R tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 15-02-2019.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Võ Văn H, sinh năm 1969,

Địa chỉ: 132/4 ấp TB, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Ông H ủy quyền cho bà L tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 26-02-2019.

Tất cả cùng có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại tòa nguyên đơn đồng thời được người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ủy quyền bà Huỳnh Thị L trình bày:

Vào năm 2016 bà có tham gia chơi hai dây hụi do bà R làm chủ hụi, cụ thể:

Dây hụi thứ nhất: hụi khui ngày 15/5/2016 (âm lịch) gồm 27 phần hụi, bà tham gia một phần hụi, hụi 1.000.000 đồng, hụi có lãi, bà đóng được 17 tháng tiền hụi, hụi chưa mãn, bà chưa hốt hụi thì bà R úp hụi nên bà R còn nợ bà 17.000.000 đồng.

Vì trước đó bà có nợ của bà R 2.000.000 đồng nên bà R còn nợ bà 15.000.000 đồng.

Dây hụi thứ hai: hụi khui ngày 10/11/2016 (âm lịch) gồm 21 phần hụi, bà tham gia một phần hụi, hụi 2.000.000 đồng, hụi có lãi, bà đóng được 12 tháng tiền hụi, hụi chưa mãn, bà chưa hốt hụi thì bà R úp hụi nên bà R còn nợ bà 24.000.000 đồng. Vì trước đó bà có nợ của bà R 6.000.000 đồng nên bà R còn nợ bà 18.000.000 đồng.

Tổng kết hai dây hụi bà R còn nợ bà số tiền 33.000.000 đồng. Sau đó bà R có trả cho bà được 2.000.000 đồng còn nợ lại số tiền 31.000.000 đồng.

Do bà R làm chủ hụi là để lấy tiền đầu thảo tạo thu nhập cho gia đình nên bà yêu cầu ông H là chồng bà R phải có nghĩa vụ cùng bà R trả số tiền hụi còn nợ là 31.000.000 đồng.

Số tiền bà chơi hụi là tiền chung của bà và chồng là Võ Văn H nên bà yêu cầu bà R và ông H liên đới trả cho bà và ông H 31.000.000 đồng, yêu cầu trả một lần, không yêu cầu tính lãi.

Theo bản tự khai và trong quá trình tố tụng tại tòa bị đơn đồng thời được bị đơn Trần Văn H ủy quyền bà Nguyễn Thị Kim R trình bày:

Bà thống nhất với lời trình bày của bà L về việc bà làm chủ hụi, bà Huỳnh Thị L tham gia chơi hụi như lời trình bày của bà L. Bà thừa nhận khi bà úp hụi và tổng kết nợ thì bà còn nợ bà L 33.000.000 đồng, sau đó bà có trả cho bà L được 2.000.000 đồng nên còn nợ lại số tiền 31.000.000 đồng.

Việc bà chơi hụi là để tạo thu nhập cho gia đình, chồng bà là Trần Văn H cũng đồng ý đây là nợ chung của bà và ông H.

Do hoàn cảnh hiện nay của vợ chồng bà khó khăn, nhiều người không đóng hụi cho bà nên không có khả năng trả một lần cho bà L số tiền 31.000.000 đồng. Vì vậy bà yêu cầu trả dần mỗi tháng 200.000 đồng đến 300.000 đồng cho đến khi hết số nợ 31.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: nguyên đơn Huỳnh Thị L yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị Kim R và Trần Văn H trả tiền nợ hụi nên đây là "tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn Nguyễn Thị Kim R và Trần Văn H cư trú tại số nhà 184/3 ấp TB, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre; theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

[3] Về áp dụng pháp luật nội dung: bà L và bà R thống nhất thời gian chơi hụi vào năm 2016 nên áp dụng quy định của Bộ luật dân sự 2005 để giải quyết.

[4] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Huỳnh Thị L và bị đơn Nguyễn Thị Kim R thống nhất được bà L có tham gia chơi hụi do bà R làm chủ hụi, hợp đồng góp hụi giữa bà L và bà R được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không ai bị lừa dối hoặc bị ép buộc; cả hai đều có năng lực pháp luật và năng

lực hành vi dân sự nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Bà L và bà R thống nhất về số tiền nợ hụi bà R còn nợ bà L là 31.000.000 đồng. Bà R và ông H xác nhận số tiền nợ hụi là khoản nợ chung của hai vợ chồng và cùng đồng ý liên đới trả cho bà L và ông H số tiền 31.000.000 đồng. Vì vậy, bà L yêu cầu bà R và ông H liên đới trả cho bà và ông H số tiền nợ hụi 31.000.000 đồng là có căn cứ phù hợp với Điều 479 Bộ luật dân sự 2005, Điều 27 Luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L, buộc bà R và ông H có trách nhiệm liên đới trả cho bà L và ông H số tiền 31.000.000 đồng.

[5] Bà R và ông H đề nghị được trả dần mỗi tháng 200.000 đồng đến 300.000 đồng cho đến khi hết số nợ 31.000.000 đồng vì hoàn cảnh của bà R và ông H khó khăn. Xét thấy, bà R là chủ hụi có nghĩa vụ gom tiền hụi và giao tiền hụi cho các hụi viên nhưng sau khi các hụi viên đóng hụi bà đã úp hụi là không thực hiện đúng nghĩa vụ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà L và yêu cầu trả dần của bà R cũng không được bà L đồng ý nên buộc bà R và ông H phải trả một lần hết số tiền 31.000.000 đồng.

[6] Về án phí: yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 479 Bộ luật dân sự 2005; Điều 357, 468 Bộ luật dân sự 2015. Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị định số 144/2006/NĐ - CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường.

Căn cứ Điều 17 Luật phí và lệ phí; Điều 26, Điều 27, điểm b Tiểu mục 1.3 Mục 1 Phần II (danh mục án phí) Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Thị L. Buộc bà Nguyễn Thị Kim R và ông Trần Văn H có trách nhiệm liên đới trả cho bà Huỳnh Thị L và ông Võ Văn H số tiền 31.000.000 (ba mươi mốt triệu) đồng.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, có đơn yêu cầu của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Kim R và ông Trần Văn H có trách nhiệm liên đới nộp 1.550.000 (một triệu năm trăm năm mươi nghìn) đồng.

Bà Huỳnh Thị L được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 775.000 (bảy trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0021559 ngày 14 tháng 12 năm 2018.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Cao Thanh Minh